

KẾ HOẠCH

Đảm bảo An toàn thực phẩm phục vụ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016

Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Kế hoạch số 1066/KH-BCĐTUVSATTP ngày 30/11/2015 Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm triển khai công tác bảo đảm An toàn thực phẩm (ATTP) Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016.

Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch đảm bảo ATTP phục vụ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hà Nội như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Bảo đảm sản phẩm thực phẩm an toàn, chất lượng khi lưu thông và tiêu thụ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016.

- Thành lập các đoàn thanh tra liên ngành từ thành phố đến cấp xã phường, bảo đảm số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố Hà Nội tăng 10% so với cùng kỳ năm 2015; Tập trung vào các nhóm sản phẩm tiêu thụ nhiều trong năm đặc biệt là dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân năm 2016 như: rau, thịt, rượu, bia, nước giải khát, bánh mứt kẹo, dịch vụ ăn uống; Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất tại làng nghề, các cơ sở kinh doanh tại các chợ và siêu thị.

- Huy động tối đa các kênh truyền thông phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP cũng như các kiến thức trong lựa chọn, bảo quản, chế biến và tiêu dùng thực phẩm đến người dân.

- Triển khai đồng loạt trên toàn thành phố, bảo đảm đúng tiến độ theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo liên ngành thành phố về VSATTP.

II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Thời gian: Từ ngày 20/12/2015 đến 25/03/2016.

2. Phạm vi: Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Hoạt động truyền thông: (phụ lục 1)

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, bảo vệ quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016.

- Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí đưa tin và phóng sự về công tác đảm bảo ATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng. Các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác truyền thông về an toàn thực phẩm trên hệ thống loa đài.

- Nội dung tuyên truyền: Tập trung tuyên truyền nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành về VSATTP trong dịp Tết Nguyên đán, lễ hội; Tăng cường sự quản lý của các cấp, các ngành và UBND các quận, huyện, thị xã; Tăng cường trách nhiệm của người quản lý, người sản xuất, kinh doanh. Nâng cao nhận thức, hiểu biết của người tiêu dùng trong việc lựa chọn thực phẩm an toàn.

2. Hoạt động thanh, kiểm tra liên ngành

2.1. Đối tượng thanh tra, kiểm tra

- Công tác quản lý về ATTP: đoàn thanh tra, kiểm tra của tuyến trên sẽ làm việc với Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP của tuyến dưới để kiểm tra công tác chỉ đạo, nắm bắt tình hình công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Dương lịch, Tết Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân năm 2016 tại địa phương.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố: Tập trung vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Bính Thân và các Lễ hội như thịt, sản phẩm từ thịt, bia, rượu, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo,... các cơ sở dịch vụ ăn uống. Trong đó, các đoàn của thành phố tập trung thanh tra, kiểm tra những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm với số lượng lớn, các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại. Các đoàn của quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn tập trung đối với các cơ sở thực phẩm vừa và nhỏ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

2.2. Nội dung thanh tra, kiểm tra:

a. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, kiểm tra đánh giá:

- Việc tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp;

- Việc lập kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ATTP trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính thân và Lễ hội Xuân năm 2016;

- Việc triển khai các quy định về bảo đảm ATTP tại địa phương;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến thức về ATTP tại địa phương;

- Hoạt động mô hình chuyên biệt theo điều kiện đặc thù của từng địa phương, theo chỉ đạo của các bộ, ngành hữu quan;

b. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành và xử lý vi phạm hành chính được quy định tại các văn bản hiện hành (*phụ lục 2a*).

- Nội dung thanh kiểm tra đối với từng cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và phương pháp thanh, kiểm tra (*phụ lục 2b*).

- Thực hiện xử lý vi phạm:

+ Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc, không đúng quy định về ghi nhãn hoặc có các vi phạm khác lưu thông trên thị trường; không để các sản phẩm quảng cáo sai quy định tiếp tục lưu hành; không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố không bảo đảm ATTP tiếp tục hoạt động khi chưa thực hiện các biện pháp khắc phục có hiệu quả.

+ Trong quá trình thanh tra, xử lý các vi phạm, khi cần thiết, các đoàn của tuyến trên chuyển hồ sơ vi phạm cho cơ quan chức năng của địa phương (Ủy ban nhân dân hoặc thanh tra chuyên ngành về Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương) nơi có cơ sở được thanh tra, kiểm tra để xử lý theo quy định.

3. Phân cấp thanh kiểm tra

3.1 Cấp thành phố: Tổ chức 06 đoàn thanh, kiểm tra liên ngành ATVSTP Thành phố kiểm tra công tác triển khai kế hoạch của các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và các sở, ngành. Kiểm tra thực tế tại một số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn được phân công.

- Đoàn 1: Do Lãnh đạo Sở Y tế làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Hoàn Kiếm, Nam Từ Liêm, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông.

- Đoàn 2: Do Lãnh đạo Sở Y tế làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Mê Linh, Đông Anh, Ba Đình, Cầu Giấy, Long Biên.

- Đoàn 3: Do Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Bắc Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Sơn Tây, Sóc Sơn.

- Đoàn 4: Do lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Mỹ Đức, Ứng Hòa, Hoàng Mai, Gia Lâm, Thanh Trì.

- Đoàn 5: Do Lãnh đạo Sở Công Thương làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Thường Tín, Phú Xuyên, Tây Hồ, Thạch Thất, Quốc Oai.

- Đoàn 6: Do Lãnh đạo Sở Công Thương làm trưởng đoàn kiểm tra tại các quận, huyện: Hoài Đức, Hai Bà Trưng, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ba Vì.

Lưu ý: Trưởng đoàn thanh, kiểm tra chủ động xếp lịch; chịu trách nhiệm thông báo thời gian, nội dung, chương trình làm việc, bố trí phương tiện đi lại cho đoàn để bảo đảm thời gian và tiến độ theo phân công; Báo cáo kết quả thanh, kiểm tra của đoàn về Thường trực BCD VSATTP Thành phố.

3.2. Cấp quận, huyện, thị xã:

- Thành lập các đoàn thanh, kiểm tra liên ngành ATTP kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác đảm bảo ATTP phục vụ Tết dương lịch, Tết Nguyên Đán và Lễ hội Xuân năm 2016 tại các xã, phường, thị trấn.

- Kiểm tra Lễ hội, các cơ sở, dịch vụ, cơ sở sản xuất hộ gia đình, đại lý kinh doanh thực phẩm ... đã được phân cấp trên địa bàn quận, huyện quản lý.

- Phúc tra, giám sát các cơ sở do xã, phường kiểm tra.

3.3. Cấp xã, phường, thị trấn: Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành ATTP kiểm tra tại các điểm Lễ hội, cơ sở phục vụ, dịch vụ, cơ sở bán lẻ thực phẩm..., chợ và thức ăn đường phố trên địa bàn xã, phường theo phân cấp.

4. Chế độ báo cáo

- Các đơn vị lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác đảm bảo ATTP phục vụ Tết dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân năm 2016, gửi về Sở Y tế Hà Nội, đơn vị thường trực Ban chỉ đạo VSATTP Thành phố trước ngày 18/12/2015.

- Báo cáo nhanh kết quả kiểm tra đợt 1 trước Tết Nguyên Đán vào ngày 24/01/2016 (quận, huyện, thị xã theo mẫu phụ lục 3, 4; đoàn liên ngành thành phố theo mẫu phụ lục 5), báo cáo tổng hợp kết quả toàn đợt Tết trước ngày 25/3/2015 (quận, huyện, thị xã theo mẫu phụ lục 3, 4; đoàn liên ngành thành phố báo cáo theo mẫu phụ lục 5).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế Hà Nội

- Thường trực Ban chỉ đạo VSATTP Thành phố, xây dựng kế hoạch, triển khai đảm bảo ATTP phục vụ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016.

- Tổ chức, triển khai các hoạt động thanh tra liên ngành ATTP của Thành phố.

- Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của ngành đặc biệt chú trọng kiểm tra nội dung: Vệ sinh cơ sở, vệ sinh dụng cụ, vệ sinh các nhân; nguồn gốc nguyên liệu đưa vào sản xuất, chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường các hoạt động đảm bảo ATTP tại các địa điểm tổ chức các hoạt động đón Tết dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016.

- Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các cơ quan báo chí của Hà Nội và Trung ương tuyên truyền các biện pháp đảm bảo ATTP, công bố thông tin các cơ sở vi phạm quy định về đảm bảo ATTP.

- Chuẩn bị sẵn sàng đảm bảo lực lượng chuyên môn, trang thiết bị, thuốc và hóa chất để kịp thời ứng phó khi có sự cố về thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

- Thường trực tổng hợp kết quả báo cáo UBND thành phố và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, cử cán bộ tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.

- Tăng cường kiểm tra việc kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên địa bàn thành phố (chợ đầu mối, cơ sở chế biến, cơ sở giết mổ). Duy trì và tăng cường kiểm tra tại các chốt kiểm dịch liên ngành đầu mối giao thông để kiểm soát động vật, sản phẩm động vật chuyên vào Thành phố.

- Tăng cường kiểm tra rau quả lưu thông trên địa bàn Thành phố, đặc biệt các chợ, siêu thị, cơ sở sản xuất, cửa hàng kinh doanh rau an toàn. Tổ chức lấy mẫu rau, quả kiểm nghiệm hóa chất bảo vệ thực vật.

- Kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi.

- Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND các cấp trong công tác thanh, kiểm tra.

- Tuyên truyền chỉ đạo các đơn vị trong ngành các biện pháp đảm bảo ATTP.

3. Sở Công thương

- Tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, kiểm tra, kiểm soát thị trường chú trọng nguồn gốc, nhãn mác sản phẩm, chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường nhất là các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Cử cán bộ tham gia các đoàn thanh, kiểm tra liên ngành.

- Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND các cấp trong công tác thanh, kiểm tra.

- Tuyên truyền chỉ đạo các đơn vị trong ngành các biện pháp đảm bảo ATTP.

4. Công an Thành phố

Phối hợp với các ngành chức năng kiểm soát chất lượng ATTP đối với các loại thực phẩm lưu thông trên địa bàn Thành phố. Phát hiện, điều tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về ATTP đặc biệt hàng giả, hàng nhập lậu. Chỉ đạo và tham gia đoàn kiểm tra liên ngành các cấp.

5. Sở thông tin truyền thông: Chỉ đạo các đơn vị trong ngành tăng cường đưa các tin bài về hoạt động ATTP, thông báo kết quả kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, các cơ sở vi phạm quy định ATTP.

6. Sở Văn hóa và thể thao, Sở Du lịch: Phối hợp với ngành Y tế kiểm tra giám sát việc chấp hành nội dung quảng cáo các sản phẩm thực phẩm theo quy định pháp luật hiện hành. Phối hợp với các ngành có liên quan trong quản lý An toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, các khu, điểm du lịch; cơ sở ăn uống tại các khách sạn, lễ hội trên địa bàn Thành phố.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo công tác kiểm tra giám sát đảm bảo đúng qui chuẩn chất lượng sản phẩm thực phẩm theo qui định hiện hành.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường kiểm tra công tác đảm bảo ATTP tại các bếp ăn tập thể, căng tin trường học.

9. Sở Tài chính: Đảm bảo kinh phí và hướng dẫn chi tiêu cho các hoạt động của các đơn vị theo qui định hiện hành.

10. Sở kế hoạch và Đầu tư: Có kế hoạch đảm bảo nguồn kinh phí cho các hoạt động đảm bảo ATTP trên địa bàn Thành phố.

11. Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các Báo Hà Nội Mới, Kinh tế Đô thị... Triển khai chiến dịch truyền thông về bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường đưa tin bài ảnh, phóng sự về tình hình ATTP, các cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm trên địa bàn. Tuyên truyền phổ biến kiến thức, các quy định pháp luật về ATTP.

12. Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tăng cường phối hợp kiểm tra, tuyên truyền về đảm bảo ATTP, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác đảm bảo ATTP. Tham gia giám sát cộng đồng, phát hiện, thông báo cho cơ quan chức năng các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh hàng thực phẩm kém chất lượng, không đảm bảo VSATTP để có biện pháp xử lý kịp thời.

13. UBND các quận, huyện, thị xã:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các nội dung công tác đảm bảo ATTP phục vụ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội Xuân năm 2016.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo ATTP theo phân cấp.

- Chỉ đạo các đơn vị trên địa bàn tăng cường công tác truyền thông đưa các tin bài về hoạt động ATTP, thông báo kết quả kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, các cơ sở vi phạm quy định ATTP.

- Đẩy mạnh công tác quản lý kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo sản phẩm thực phẩm an toàn chất lượng khi lưu thông trên địa bàn. Tăng cường thanh, kiểm tra, kiên quyết xử lý cơ sở vi phạm về ATTP theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thanh kiểm tra cấp trên và thực hiện xử lý sau thanh kiểm tra.

- Chuẩn bị sẵn sàng đủ các điều kiện để kịp thời ứng phó khi có sự cố về thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

- Thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định.

UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Y tế kết quả thực hiện theo quy định qua Sở Y tế để tổng hợp (địa chỉ gửi báo cáo: Chi cục ATVSTP Hà Nội-70 Nguyễn Chí Thanh)/.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, VPCP;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các sở, ban ngành đoàn thể TP;
- UBND các Q,H,TX;
- VPUBNDTP: CVP, PCVP P.V.Chiến,
- Phòng: VX, CT, NN, TH;
- Lưu VT, VXTh.

150

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền đảm bảo An toàn thực phẩm Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016

I. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRUYỀN THÔNG

1. Người tiêu dùng thực phẩm.
2. Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

1. Đối với người tiêu dùng thực phẩm:

- Hướng dẫn cách chọn mua thực phẩm an toàn
- Hướng dẫn đọc nhãn mác sản phẩm thực phẩm
- Cách chế biến thực phẩm an toàn
- Cách bảo quản thực phẩm an toàn
- Nội dung “10 nguyên tắc vàng chế biến thực phẩm an toàn”,
- “5 chìa khoá vàng để có thực phẩm an toàn”.
- Giới thiệu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn
- Từ chối các cơ sở sản xuất, kinh doanh mất vệ sinh không đảm bảo an toàn ;

Không chấp nhận những sản phẩm thực phẩm không rõ nguồn gốc, có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng.

- Khai báo khi bị ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

2. Đối với người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm:

- Các quy định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thực phẩm.

- Các quy định về áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch.

- Các quy định về chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy, lưu hành sản phẩm, quảng cáo sản phẩm thực phẩm.

- Các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định về khám sức khỏe cho người trực tiếp chế biến thực phẩm, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực an toàn thực phẩm.

- Các mô hình, hệ thống quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm như: HACCP (ISO 22000), GMP, GHP, VietGAP...

III. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG

- Kênh truyền thông đại chúng: Huy động đài phát thanh, truyền hình, báo chí dành nhiều thời gian, thời lượng phát sóng tuyên truyền về ATTP. Đặc biệt phát huy hệ thống đài truyền thanh ở xã, phường, khu phố để tập trung chuyên tải Thông điệp “An toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Bính Thân 2016”. Viết bài phổ biến kiến thức về ATTP Tết, lễ hội. Tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp trên truyền hình, truyền thanh

về ATTP, phổ biến các nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan để nâng cao hiệu quả thực thi các nội dung của Luật.

- Kênh truyền thông trực tiếp: Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, biên phòng, nông nghiệp phát triển nông thôn, các ban ngành, đoàn thể (như Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, lực lượng vũ trang, cộng tác viên y tế thôn, bản...) với các hình thức: nói chuyện, hội thảo, hội diễn, hội nghị...

- Các kênh truyền thông khác như: băng - rôn, khẩu hiệu, triển lãm, hướng dẫn cụ thể bằng cách “cầm tay chỉ việc”.

IV. KHẨU HIỆU CỦA ĐỢT TUYẾN TRUYỀN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TẾT NGUYÊN ĐÁN BÍNH THÂN VÀ MÙA LỄ HỘI XUÂN 2016

1. Nhiệt liệt hưởng ứng đợt triển khai công tác tuyên truyền bảo đảm An toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016

2. Bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi của doanh nghiệp.

3. Vì sức khỏe và phát triển bền vững, hãy sản xuất ra những sản phẩm thực phẩm chất lượng, an toàn

4. Để bảo vệ sức khỏe của bạn Hãy lựa chọn, chế biến và tiêu dùng thực phẩm an toàn

5. Lãnh đạo chính quyền các cấp, người đứng đầu các tổ chức, cơ quan hãy nêu cao vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm

6. Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm

7. Mỗi người tiêu dùng hãy là một giám sát viên, đấu tranh với các hành vi vi phạm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

8. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm mùa lễ hội là trách nhiệm của chính quyền các cấp

9. Hiểu và thực hiện đúng Luật An toàn thực phẩm là trách nhiệm và lợi ích của doanh nghiệp và cộng đồng

10. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trong mùa lễ hội là trách nhiệm của Ban quản lý các khu du lịch, các Lễ hội

11. Không lạm dụng rượu, bia để Tết Bính Thân an toàn, vui vẻ

12. Không uống rượu khi: không biết đó là rượu gì, rượu không có nguồn gốc, rượu không công bố tiêu chuẩn chất lượng.

PHỤ LỤC 2a

I. Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về bảo đảm ATTP

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 15/2012/QĐ-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của liên Bộ Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương về hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn;
- Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.
- Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.
- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 9/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm; Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11/5/2015 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Thông tư số 28/2014/TT-BNNPTNT ngày 04/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam.

- Thông tư số 24/2014/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với chợ đầu mối, đấu giá nông sản.

- Thông tư số 19/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

- Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra cơ sở SXKD vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở SXKD nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

- Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu.

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và của liên bộ về bảo đảm an toàn thực phẩm theo từng lĩnh vực cụ thể.

II. Các Nghị định căn cứ để xử lý vi phạm

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012.

- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

- Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

PHỤ LỤC 2b

1. Nội dung thanh, kiểm tra đối với từng cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm:

- a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tập trung kiểm tra:
- + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm);
 - + Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ);
 - + Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
 - + Hồ sơ công bố tiêu chuẩn, chứng nhận hợp quy, xác nhận phù hợp quy định ATTP đối với những sản phẩm thuộc diện bắt buộc phải công bố;
 - + Nhãn sản phẩm hàng hóa thực phẩm;
 - + Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo;
 - + Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm;
 - + Điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, con người;
 - + Quy trình chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm;
 - + Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;
 - + Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống;
 - + Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết.
- b) Đối với cơ sở dịch vụ ăn uống, tập trung xem xét:
- + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm);
 - + Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
 - + Điều kiện bảo đảm ATTP, bao gồm điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, con người;
 - + Quy trình chế biến bảo quản thực phẩm;
 - + Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;
 - + Việc lưu mẫu thức ăn;
 - + Việc bảo đảm nước sạch dùng cho chế biến thực phẩm;
 - + Các nội dung khác có liên quan.
 - + Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.
- c) Đối với cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, tập trung xem xét:
- + Cơ sở có bảo đảm cách biệt nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm?
 - + Thức ăn có được bày bán trên bàn, giá, kệ, phương tiện bảo đảm ATTP?
 - + Kiểm tra nguyên liệu;

- + Kiểm tra dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm;
- + Kiểm tra bao gói và các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;
- + Kiểm tra dụng cụ che nắng, mưa, bụi bẩn, côn trùng và động vật gây hại;
- + Kiểm tra nguồn nước phục vụ việc chế biến, kinh doanh;
- + Kiểm tra điều kiện về sức khoẻ, kiến thức và thực hành của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm.

+ Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.

2. Phương pháp thanh, kiểm tra, hậu kiểm:

- + Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định về bảo đảm ATTP của cơ sở;
- + Thu thập tài liệu liên quan;
- + Kiểm tra thủ tục pháp lý
- + Kiểm tra điều kiện vệ sinh thực tế tại cơ sở sản xuất thực phẩm; với các cơ sở hậu kiểm sau công bố sản phẩm thực phẩm chỉ kiểm tra điều kiện bảo quản nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm
- + Kiểm tra sản phẩm thực phẩm;
- + Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu ATTP khi cần thiết;
- + Lập biên bản kiểm tra;
- + Phân tích, đánh giá hồ sơ; phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm;
- + Kết thúc kiểm tra, tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP tại cơ sở; đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm ATTP trong sản xuất/chế biến thực phẩm
- + Phát hiện các vi phạm xử lý theo quy định.

PHỤ LỤC 3

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

.....(tên cơ quan chủ quản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(tên cơ quan báo cáo)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm 20.....

Số:...../BC - ... (chữ viết tắt tên CQ báo cáo)

BÁO CÁO

**Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Dương lịch,
Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016**

I. Công tác chỉ đạo:

Xây dựng Kế hoạch và công văn chỉ đạo triển khai Kế hoạch tới các đơn vị trực thuộc (nêu cụ thể)

II. Các hoạt động đã triển khai:

1. Các hoạt động truyền thông được triển khai:

| TT | Hoạt động | Quận/huyện | | Xã/phường | |
|----|---------------------------|---------------|-----------------------------------|---------------|-----------------------------------|
| | | Số lượng/buổi | Số người tham dự/phạm vi bao phủ. | Số lượng/buổi | Số người tham dự/phạm vi bao phủ. |
| 1 | Họp cộng tác viên báo chí | | | | |
| 2 | Nói chuyện | | | | |
| 3 | Tập huấn | | | | |
| 4 | Hội thảo | | | | |
| 5 | Phát thanh: tỉnh | | | | |
| | Phát thanh: huyện | | | | |
| | Phát thanh: xã/phường | | | | |
| | Phát thanh: thôn/bản | | | | |
| 6 | Truyền hình: tỉnh | | | | |
| 7 | Báo viết: tỉnh | | | | |
| | Báo viết: huyện | | | | |
| | Bản tin: xã/phường | | | | |
| 8 | Sản phẩm truyền thông: | | | | |
| | - Băng rôn, khẩu hiệu | | | | |
| | - Tranh áp - phích | | | | |
| | - Tờ gấp | | | | |
| | - Băng, đĩa hình | | | | |

| | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|
| | - Bảng, đĩa âm | | | | |
| | - Khác | | | | |
| 9 | Hoạt động khác: hội thi, hội thao tuyên truyền VSATTP ... | | | | |

Nội dung truyền thông chủ yếu: (nêu rõ)

2. Hoạt động kiểm tra, thanh tra: (theo Mẫu 2 của Phụ lục 2)

III. Tình hình ngộ độc thực phẩm:

| TT | Chỉ số | Từ .../12/2015 đến 30/3/2016 | Số cùng kỳ năm trước |
|----|---------|------------------------------|----------------------|
| 1. | Số vụ | | |
| 2. | Số mắc | | |
| 3. | Số chết | | |

Đánh giá: So sánh với tình hình ngộ độc thực phẩm cùng kỳ năm trước; nguyên nhân chủ yếu, giải pháp khắc phục.

IV. Đánh giá chung:

1. Ưu điểm:

.....

2. Hạn chế, tồn tại:

.....

3. Kiến nghị:

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH KIỂM TRA CỦA QUẬN HUYỆN

.....(tên cơ quan chủ quản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(tên cơ quan báo cáo)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC - ... (chữ viết tắt tên CQ báo cáo)

Ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ Hội Xuân năm 2016 do địa phương thực hiện

I. Công tác chỉ đạo: (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành trung ương, thành phố thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.2 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

| TT | Loại hình cơ sở thực phẩm | Quận/huyện | | | | Xã/phường | | | |
|----|---------------------------|---------------|----------------------------|--------------|-------------|---------------|----------------------------|--------------|-------------|
| | | Tổng số cơ sở | Số CS được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Tỷ lệ % đạt | Tổng số cơ sở | Số CS được thanh, kiểm tra | Số cơ sở đạt | Tỷ lệ % đạt |
| 1 | Sản xuất, chế biến | | | | | | | | |
| 2 | Kinh doanh | | | | | | | | |
| 3 | Dịch vụ ăn uống | | | | | | | | |
| 4 | Thức ăn đường phố | | | | | | | | |
| | Tổng số (1 + 2 + 3+4) | | | | | | | | |

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

| TT | Tổng hợp tình hình vi phạm | Quận/huyện | | Xã/phường | |
|-----|--|------------|---------------------------------|-----------|---------------------------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ % so với số được kiểm tra | Số lượng | Tỷ lệ % so với số được kiểm tra |
| 1 | Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra | | | | |
| 2 | Số cơ sở có vi phạm | | | | |
| 3 | Số cơ sở vi phạm bị xử lý | | | | |
| | Trong đó: | | | | |
| 3.1 | Hình thức phạt chính: | | | | |
| | Số cơ sở bị cảnh cáo | | | | |
| | Số cơ sở bị phạt tiền | | | | |
| | Tổng số tiền phạt | | | | |
| 3.2 | Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả | | | | |
| * | Số cơ sở bị đóng cửa | | | | |
| * | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm | | | | |
| | Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành | | | | |
| * | Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm | | | | |
| | Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy | | | | |
| * | Số cơ sở phải khắc phục về nhãn | | | | |
| | Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục | | | | |
| * | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo | | | | |
| | Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành | | | | |
| * | Các xử lý khác | | | | |
| 3.3 | Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý | | | | |
| 3.4 | Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở) | | | | |

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

| TT | Nội dung vi phạm | Quận/huyện | | | Xã/phường | | |
|----|---------------------------------------|----------------------|------------------|---------|----------------------|------------------|---------|
| | | Số CS được thanh tra | Số cơ sở vi phạm | Tỷ lệ % | Số CS được thanh tra | Số cơ sở vi phạm | Tỷ lệ % |
| 1 | Điều kiện vệ sinh cơ sở | | | | | | |
| 2 | Điều kiện trang thiết bị dụng cụ | | | | | | |
| 3 | Điều kiện về con người | | | | | | |
| 4 | Công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP | | | | | | |
| 5 | Ghi nhãn thực phẩm | | | | | | |
| 6 | Quảng cáo thực phẩm | | | | | | |
| 7 | Chất lượng sản phẩm thực phẩm | | | | | | |
| 8 | Vi phạm khác (ghi rõ) | | | | | | |

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

| TT | Loại xét nghiệm | Kết quả xét nghiệm mẫu | | |
|-----|---------------------|------------------------|------------------|-------------------|
| | | Tổng số mẫu xét nghiệm | Số mẫu không đạt | Tỷ lệ % không đạt |
| 1 | Xét nghiệm nhanh | | | |
| 2 | Xét nghiệm tại labo | | | |
| 2.1 | Hóa lý | | | |
| 2.2 | Vi sinh | | | |
| | Cộng | | | |

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4.

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể).

PHỤ LỤC 5
BÁO CÁO ĐOÀN THANH, KIỂM TRA LIÊN NGÀNH THÀNH PHỐ

.....(tên cơ quan chủ quản)
.....(tên cơ quan báo cáo)
Số:...../BC - ...(chữ viết tắt tên CQ báo cáo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO
Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán
Bính Thân và mùa Lễ Hội Xuân năm 2016 do Đoàn liên ngành thành phố thực hiện

I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn liên ngành Trung ương.

1. Công tác chỉ đạo của địa phương.
2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.
3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai công tác Bảo đảm An toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Bính Thân và mùa Lễ hội Xuân 2016
4. Hoạt động mô hình, chuyên biệt theo điều kiện đặc thù của từng địa phương, theo chỉ đạo của các bộ, ngành hữu quan.

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm do đoàn liên ngành Trung ương phối hợp với địa phương thực hiện:

Bảng 1: Tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra:

| TT | Nội dung | Số lượng | Tỷ lệ % so với tổng số được thanh tra |
|-----|--|----------|---------------------------------------|
| 1 | Tổng số cơ sở được thanh tra | | |
| 2 | Số cơ sở có vi phạm | | |
| 3 | Số cơ sở vi phạm bị xử lý Trong đó: | | |
| 3.1 | Số cơ sở vi phạm đã được xử lý ngay trong quá trình thanh tra (<i>nêu rõ hình thức xử lý</i>): | | |
| 3.2 | Số cơ sở có vi phạm đã giao địa phương xử lý | | |

Bảng 2: Nội dung vi phạm chủ yếu tại các cơ sở thực phẩm:

| TT | Nội dung vi phạm | Số CS được thanh tra | Số cơ sở vi phạm | Tỷ lệ % |
|----|--|----------------------|------------------|---------|
| 1 | Điều kiện vệ sinh cơ sở | | | |
| 2 | Điều kiện vệ sinh trang thiết bị dụng cụ | | | |
| 3 | Điều kiện về con người | | | |
| 4 | Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp | | | |

| | | | | |
|---|-------------------------------|--|--|--|
| | quy/phù hợp quy định ATTP | | | |
| 5 | Ghi nhãn thực phẩm | | | |
| 6 | Quảng cáo thực phẩm | | | |
| 7 | Chất lượng sản phẩm thực phẩm | | | |
| 8 | Vi phạm khác (ghi rõ) | | | |

Bảng 3: Kết quả kiểm nghiệm mẫu do đoàn TW thực hiện

| TT | Loại xét nghiệm | Kết quả xét nghiệm mẫu | | |
|----|---------------------|------------------------|------------------|-------------------|
| | | Tổng số mẫu xét nghiệm | Số mẫu không đạt | Tỷ lệ % không đạt |
| 1 | Xét nghiệm nhanh | | | |
| | Xét nghiệm tại labo | | | |
| 2 | Hóa lý | | | |
| 3 | Vi sinh | | | |
| | Cộng | | | |

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu tại các bảng từ 1 - 3; nêu rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của từng địa phương.

IV. Đề xuất kiến nghị của đoàn và ghi nhận kiến nghị của địa phương. (ghi cụ thể)